

Số: 427/TM-BV

Điện Bàn, ngày 03 tháng 7 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp

Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam có kế hoạch mua sắm máy gây mê kèm monitor theo dõi bệnh nhân để phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh. Để có cơ sở giá dự toán gói thầu, Bệnh viện trân trọng kính mời quý đơn vị quan tâm cung cấp báo giá với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị

1. Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam.

Địa chỉ: 24 Lê Hữu Trác, Phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận thư mời chào cấu hình, thông số kỹ thuật:

Ông Phạm Ngọc Mạnh, Phòng Vật tư – thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam, ĐT: 0914.007.644.

E-mail: Vattu.TTBYT@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận bản báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư - thiết bị y tế, Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam, Địa chỉ: 24 Lê Hữu Trác, Phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15 giờ 00 phút ngày 03 tháng 7 năm 2024 đến 08 giờ 00 phút ngày 15 tháng 7 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 15/7/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị:

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Máy gây mê kèm monitor theo dõi bệnh nhân	Kèm theo phụ lục I	Bộ	01

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

Địa chỉ: tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam, Địa chỉ: 24 Lê Hữu Trác, Phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.


4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không vượt quá 30% giá trị gói thầu, thanh toán theo khối lượng bàn giao, nghiệm thu hàng hoá.

5. Các thông tin khác:

- Báo giá gồm 01 bản gốc có đóng dấu hợp pháp của đơn vị, được niêm phong và phía ngoài bì hồ sơ chào giá ghi rõ “ Thư báo giá Máy gây mê kèm monitor theo dõi bệnh nhân tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam”

- Mẫu báo giá được đính kèm theo *phụ lục II*.

Rất mong nhận được sự quan tâm của các đơn vị cung cấp./.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Các đơn vị cung cấp;
- Phòng QLCL;
- Lưu VT, VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tải



Phụ lục I

CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÁY GÂY MÊ KÈM MONITOR THEO DÕI BỆNH NHÂN

I. Máy gây mê

1. Yêu cầu chung

- Năm sản xuất: 2023 trở về sau
- Xuất xứ : Các nước G7 hoặc Châu mỹ
- Chất lượng máy: Mới 100%
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
- Nguồn cung cấp: 220V-240V ~ 50Hz
- Môi trường hoạt động:
 - + Nhiệt độ tối đa: $\geq 40^{\circ}\text{C}$
 - + Độ ẩm tối đa: $\geq 90\%$
 - + Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ

2. Yêu cầu cấu hình

- Máy chính: 01 máy
 - + Dây khí nén: 01 chiếc
 - + Dây oxy: 01 chiếc
 - + Bộ trộn khí hiển thị điện tử cho O₂ và Air: 01 bộ
 - + Cảm biến dòng chảy sử dụng nhiều lần: 02 chiếc
 - + Bộ hấp thụ CO₂ kèm bình vôi soda sử dụng nhiều lần: 01 bộ
 - + Bộ thải khí mê: 01 bộ
 - + Bình bốc hơi: 02 bình
 - + Bộ cung cấp khí oxy phụ trợ tích hợp trong máy: 01 bộ
 - + Khối đo khí mê tích hợp trong thân máy: 01 chiếc
 - + Xe đẩy: 01 chiếc
- **Phụ kiện có thể sử dụng từ nhà sản xuất khác:**
 - + Mặt nạ người lớn sử dụng nhiều lần: 01 chiếc
 - + Dây gây mê người lớn, sử dụng nhiều lần: 01 chiếc
 - + Bóng bóp người lớn: 01 chiếc

3. Chỉ tiêu kỹ thuật

3.1. Yêu cầu về mục đích sử dụng, nguyên lý hoạt động, công nghệ

- Sử dụng công nghệ bóng xếp hoặc tương đương
- Sử dụng được cho bệnh nhân từ sơ sinh đến người lớn



3.2. Yêu cầu về chỉ tiêu kỹ thuật

Máy chính

- Gây mê có thể đặt với lưu lượng thấp: ≤ 100 mL/phút
- Có phần mềm giúp bác sĩ giảm thiểu nguy cơ thiếu hụt nồng độ oxy khi thực hiện gây mê dòng thấp, giảm thiểu lượng tiêu thụ thuốc mê
- Có phần mềm thể hiện lượng thuốc mê tiêu thụ
- Có các phần mềm giúp tự động thực hiện các thủ thuật trong thông khí:
 - + Cung cấp một nhịp thở áp lực trong 1 khoảng thời gian cài đặt trước, với các thông số tối thiểu bao gồm: áp lực, thời gian thở, mức PEEP sau khi kết thúc nhịp thở
 - + Cung cấp 1 chuỗi các nhịp thở áp lực theo các bước được cài đặt trước. Có thể cài đặt trước ≥ 7 bước
- Van giới hạn áp lực điều chỉnh trong dải: ≤ 1 tới ≥ 60 cmH₂O
- Tổng thể tích hệ thống thở, bao gồm cả bình hấp thụ CO₂ và bóng bóp:
 - + Chế độ thở máy: $\leq 3,5$ L
 - + Chế độ bóp bóng: $\leq 1,6$ L
- Có đèn chiếu sáng bề mặt làm việc
- Có đèn chiếu sáng núm điều chỉnh dòng chảy và các công phụ đang được sử dụng

Màn hình

- Màn hình màu cảm ứng kích thước ≥ 15 inch, xoay được độc lập nhiều hướng
- Độ phân giải: $\geq 1024 \times 768$ pixel
- Có thể điều chỉnh độ sáng màn hình
- Có thể hiển thị ≥ 03 đồ thị dạng sóng.
- Các đồ thị dạng sóng có thể lựa chọn tối thiểu gồm: Áp lực, lưu lượng, khí mê và CO₂

Bộ trộn khí hiển thị điện tử cho O₂ và Air

- Lưu lượng khí được hiển thị điện tử trên màn hình.
- Dải lưu lượng khí sạch: từ ≤ 100 mL/phút đến ≥ 15 L/phút cho cả oxy và khí nén.

Cảm biến lưu lượng

- Cảm biến lưu lượng công nghệ chênh áp, có thể hấp tiệt trùng được

Hệ thống hấp thụ CO₂

- Bình hấp thụ CO₂ có sức chứa: $\leq 1,2$ kg

Bộ thải khí mê

- Có cổng thải khí mê thừa cho phép cắm vào hệ thống thải khí trung tâm của bệnh viện

Bình bốc hơi

- Có ít nhất 02 vị trí lắp bình bốc hơi.
- Dải lưu lượng: từ ≤ 0.5 lít/phút tới ≥ 15 lít /phút

- Tổng dung tích thuốc mê: $\geq 300\text{ml}$

Bộ cung cấp khí oxy phụ trợ

- Có hệ thống cung cấp khí Oxy phụ trợ tích hợp trong thân máy có dải điều chỉnh: từ 0 tới $\geq 8\text{ L/phút}$.

Ắc quy dự phòng

- Ắc quy dự phòng trong máy đảm bảo cho máy hoạt động với đầy đủ chức năng ≥ 90 phút.
- Loại ắc quy: Ắc quy axit chì, có thể sạc lại hoặc tương đương

Khối đo khí mê

- Tích hợp khối đo khí mê, đo nồng độ khí mê và các loại khí: CO_2 (EtCO_2 , FiCO_2); O_2 (EtO_2 , FiO_2); N_2O .
- Khí CO_2
 - + Theo dõi EtCO_2 và FiCO_2
 - + Dạng sóng CO_2
 - + Dải đo: từ 0 tới $\geq 10\%$
 - + Loại cảm biến: cảm biến hồng ngoại hoặc tương đương
 - + Thay đổi được cảnh báo cao/thấp EtCO_2 và FiCO_2
- Khí O_2
 - + Cảm biến O_2 sử dụng công nghệ thuận từ
 - + Theo dõi nồng độ EtO_2
 - + Nồng độ FiO_2
 - + Dải đo: từ 0 tới $\geq 100\%$
 - + Có thể điều chỉnh giới hạn cảnh báo cao-thấp EtO_2 và FiO_2
- N_2O
 - + Dải đo: từ 0 tới $\geq 100\%$
- Thuốc mê
 - + Dải đo Halothane, Isoflurane, Enflurane : từ 0 tới $\geq 5\%$
 - + Dải đo Sevoflurane: từ 0 tới $\geq 5\%$
 - + Dải đo Desflurane: từ 0 tới $\geq 15\%$
- Phải hiển thị được dạng sóng của khí mê
- Hiển thị được thông số MAC
- Phát hiện được hỗn hợp khí
- Có thể điều chỉnh được giới hạn cảnh báo cao-thấp EtAA và FiAA
- Ngưỡng xác định: $\leq 0.15\text{ vol}\%$

Xe đẩy

- Xe đẩy có bánh xe và khóa hãm

c. Yêu cầu về các chức năng của thiết bị

Yêu cầu về chức năng thở máy

- Cấp O₂ nhanh: ≤ 30 tới ≥ 70 L/phút
- Máy có thể chuyển sang chế độ chờ.
- Dải lưu lượng bù: ≤ 100 mL/phút tới ≥ 15 L/phút.
- Dải hoạt động của van dòng chảy từ: ≤ 1 tới ≥ 120 L/phút.
- Có khả năng bù tự động thất thoát do nén tạo ra bởi bình hấp thụ CO₂ và bóng xếp.

Yêu cầu về các chế độ thở:

- Có chế độ kiểm soát bằng tay (Manual)
- Chế độ kiểm soát thể tích VCV có tính năng bù thể tích khí lưu thông hoặc tương đương
- Chế độ kiểm soát áp lực PCV hoặc tương đương
- Chế độ kiểm soát áp lực, đảm bảo thể tích PCV-VG hoặc tương đương
- Chế độ thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ SIMV kiểm soát thể tích hoặc tương đương
- Chế độ thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ SIMV kiểm soát áp lực hoặc tương đương
- Chế độ thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ SIMV kiểm soát áp lực, đảm bảo thể tích hoặc tương đương
- Chế độ thở hỗ trợ áp lực PSV với dự phòng ngừng thở hoặc tương đương

Yêu cầu về các thông số thở

- Thể tích khí lưu thông Vt: ≤ 20 tới ≥ 1500 mL
- Dải thông khí phút: ≤ 0.1 tới ≥ 99 L/phút
- Mức lưu lượng đỉnh: ≥ 120 L/phút + khí sạch
- Dải áp lực hít vào: ≤ 5 tới ≥ 50 cmH₂O
- Dải giới hạn áp lực: ≤ 15 tới ≥ 100 cmH₂O
- Dải áp lực hỗ trợ: Tắt, từ ≤ 5 tới ≥ 30 cmH₂O
- Tần số thở: từ ≤ 5 đến ≥ 100 nhịp/phút đối với chế độ kiểm soát thể tích và kiểm soát áp lực
- Tần số thở: Từ ≤ 2 tới ≥ 60 nhịp/phút đối với chế độ SIMV, PSV và SIMV PCV-VG
- Tỷ lệ I:E: từ $\leq 1:2$ tới $\geq 2:1$
- Thời gian hít vào: từ ≤ 0.2 tới ≥ 5 giây
- Độ nhạy trigger dòng: từ ≤ 0.2 tới ≥ 10 L/phút
- Cửa sổ trigger: Tắt, từ ≤ 5 tới $\geq 80\%$ thời gian thở ra
- Ngưỡng ngắt kỳ thở vào: từ ≤ 5 tới $\geq 70\%$

- Dải ngưng kỳ thở vào: Tắt, từ ≤ 5 tới $\geq 50\%$
- PEEP: Tắt, từ ≤ 5 tới ≥ 30 cmH₂O

Yêu cầu về các thông số theo dõi

- Thông khí phút: từ ≤ 0.1 tới ≥ 99 L/phút
- Thể tích khí lưu thông : từ ≤ 1 tới ≥ 9000 ml
- Theo dõi nồng độ % Oxy : từ ≤ 5 tới ≥ 100 %
- Áp lực: từ ≤ -20 tới ≥ 100 cmH₂O

Yêu cầu về chức năng cảnh báo an toàn

- Có chức năng tự động cài đặt giới hạn báo động
- Thể tích thông khí:
 - + Thấp: Tắt, từ ≤ 10 ml đến ≥ 1500 ml
 - + Cao: Từ ≤ 20 ml đến ≥ 1500 ml, Tắt
- Thông khí phút (VE):
 - + Thấp: Tắt, từ ≤ 0.5 L/phút đến ≥ 10 L/phút
 - + Cao: Từ ≤ 0.5 L/phút đến ≥ 30 L/phút, Tắt
- Báo động ngừng thở
 - + Khi bật chế độ thở máy: lưu lượng thở đo được < 5 mL trong 30 giây
 - + Khi tắt chế độ thở máy lưu lượng thở đo được < 5 mL trong 30 giây
- Áp lực:
 - + Thấp: ≤ 5 cmH₂O
 - + Cao: ≤ 15 đến ≥ 100 cmH₂O
- Nồng độ % FiO₂:
 - + Thấp: Từ ≤ 20 % đến $\geq 90\%$
 - + Cao: $\leq 20\%$ đến 100% , Tắt

4. Các yêu cầu khác

- Thời hạn bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu thiết bị
- Lắp đặt, chạy thử thiết bị tại cơ sở sử dụng máy
- Cam kết hướng dẫn người sử dụng vận hành thiết bị đến khi thành thạo
- Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt và tiếng Anh
- Cam kết cung cấp phụ tùng thay thế, vật liệu tiêu hao tối thiểu 5 năm sau khi hết thời gian bảo hành

II. Monitor theo dõi bệnh nhân

1. Yêu cầu chung

- Năm sản xuất: 2023 trở về sau
- Xuất xứ : Các nước G7 hoặc châu Mỹ
- Chất lượng máy: Mới 100%
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
- Nguồn cung cấp: 100V-240V \pm 10%, 50/60Hz
- Môi trường hoạt động:
 - + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$
 - + Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$
 - + Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ

2. Yêu cầu cấu hình

- + Máy chính: 01 máy
- + Cáp đo và bộ đo ECG kèm điện cực: 01 bộ
- + Cáp đo và bộ phụ kiện đo SpO2: 01 bộ
- + Cáp đo và bộ bao đo huyết áp không xâm lấn NIBP: 01 bộ
- + Cáp đo và bộ phụ kiện đo nhiệt độ: 01 bộ
- + Cáp đo và bộ phụ kiện đo huyết áp xâm lấn IBP: 01 bộ

3. Chỉ tiêu kỹ thuật

a Yêu cầu về mục đích sử dụng:

- Có thể theo dõi tối thiểu các thông số: Điện tim, nhịp thở, SpO2, huyết áp không xâm lấn, nhiệt độ, huyết áp xâm lấn.
- Có tính năng hỗ trợ phân tích loạn nhịp dựa trên ≥ 3 đạo trình
- Máy có chức năng hiển thị thông số dạng số lớn hoặc dạng sóng
- Máy có chế độ sử dụng ban đêm
- Máy có công cụ/chức năng hỗ trợ lâm sàng hoặc tương đương
- Máy có chức năng xem được dữ liệu của các monitor khác trong cùng hệ thống
- Máy có khả năng chống nước

b Yêu cầu về chỉ tiêu kỹ thuật

Máy chính

- Tính năng đo điện tim ECG:
 - + Có thể lắp được 3 hoặc 5 hoặc 10 điện cực
 - + Có ≥ 3 chế độ lọc nhiễu tín hiệu
 - + Dải đo nhịp tim: từ ≤ 20 đến ≥ 300 nhịp/phút; độ chính xác ± 5 nhịp/phút hoặc $\pm 5\%$

- + Có thể phát hiện tối thiểu ≥ 18 loại loạn nhịp
- + Dải phân tích ST: Từ ≤ -8 đến $\geq +8$ mm
- + Dải phóng đại: 0.5x, 1x, 2x và 4x
- + Có khả năng phát hiện máy tạo nhịp trong dải: ≤ 2 đến ≥ 650 mV
- + Độ rộng xung phát hiện máy tạo nhịp: ≤ 1 đến ≥ 2 ms
- Tính năng đo nhịp thở:
 - + Dải đo: Từ ≤ 5 đến ≥ 120 nhịp/phút
 - + Độ chính xác: $\leq \pm 5$ nhịp/phút
 - + Dải phóng đại: ≤ 1 tới ≥ 5 cm/Ohm
- Tính năng đo nồng độ bão hòa oxy trong máu:
 - + Dải đo độ bão hòa: ≤ 1 đến $\geq 100\%$
 - + Dải đo nhịp mạch: ≤ 40 đến ≥ 240 nhịp/phút
 - + Dải đo chỉ số tưới máu: ≤ 1 đến ≥ 30 nhịp/phút
 - + Độ chính xác bão hoà: $\leq \pm 3\%$
 - + Độ chính xác nhịp mạch: $\leq \pm 5$ nhịp/phút
- Tính năng đo huyết áp không xâm lấn NIBP:
 - + Phương pháp đo: Dao động, xả áp theo bước.
 - + Bao đo huyết áp sử dụng 2 ống bơm/đo riêng biệt
 - + Chế độ đo tối thiểu: Tự động, thủ công
 - + Dải đo:
 - Tâm thu:
 - ❖ Người lớn/trẻ em: ≤ 40 đến ≥ 280 mmHg
 - ❖ Sơ sinh: ≤ 40 đến ≥ 140 mmHg
 - Huyết áp trung bình:
 - ❖ Người lớn/trẻ em: ≤ 30 đến ≥ 250 mmHg
 - ❖ Sơ sinh: ≤ 30 đến ≥ 120 mmHg
 - Tâm trương:
 - ❖ Người lớn/trẻ em: ≤ 12 đến ≥ 210 mmHg
 - ❖ Sơ sinh: ≤ 15 đến ≥ 100 mmHg
 - + Áp lực bơm mặc định:
 - Người lớn/trẻ em: ≤ 150 mmHg
 - Sơ sinh: ≤ 120 mmHg
 - + Thời gian đo tối đa:
 - Người lớn/trẻ em: ≤ 130 giây
 - Sơ sinh: ≤ 90 giây

- + Độ chính xác NIBP: ≤ 10 mmHg
- + Sai số trung bình NIBP: $\leq \pm 5$ mmHg
- Tính năng đo nhiệt độ:
 - + Hiển thị ≥ 2 kênh nhiệt độ
 - + Dải đo: ≤ 10 tới $\geq 40^{\circ}\text{C}$
 - + Độ chính xác: $\leq \pm 0.1^{\circ}\text{C}$
 - + Độ phân giải: $\leq 0.1^{\circ}\text{C}$
- Tính năng đo huyết áp xâm lấn IBP:
 - + Có khả năng đo ≥ 3 kênh huyết áp xâm lấn
 - + Dải đo: từ ≤ -40 đến ≥ 310 mmHg
 - + Dải đo nhịp mạch IBP: từ ≤ 35 đến ≥ 245 mmHg
 - + Độ chính xác: $\leq \pm 5\%$ hoặc tương đương
 - + Đáp ứng tần số: từ ≤ 5 đến ≥ 20 Hz
 - + Độ nhạy cảm biến: $\geq 5\mu\text{V/V/mmHg}$

Pin sạc

- Kiểu pin: Lithium-ion hoặc tương đương
- Thời gian hoạt động: ≥ 4 giờ

c Yêu cầu về các chức năng của thiết bị

Yêu cầu về lưu trữ

- Có thể lưu trữ dữ liệu xu hướng của bệnh nhân dưới dạng biểu đồ và dạng số liệu trong ≥ 160 giờ
- Có khả năng xem lại ít nhất các thông số huyết động sau đây: ECG, SpO₂, các sóng huyết áp xâm lấn, nhịp thở.
- Thời gian lưu trữ dữ liệu dạng sóng: ≥ 70 giờ
- Có thể lưu trữ dữ liệu sóng theo lịch sử báo động
- Có thể lưu trữ tối thiểu ≥ 200 ảnh chụp màn hình

Yêu cầu về điều khiển

- Kiểu màn hình: màn hình cảm ứng
- Sử dụng nút xoay để điều khiển

Yêu cầu về hiển thị

- Màn hình kích thước: ≥ 15 inches.
- Độ phân giải: $\geq 1366 \times 768$ pixels
- Số dạng sóng hiển thị: ≥ 10 dạng sóng.

Yêu cầu về chức năng an toàn, cảnh báo an toàn

- Có ≥ 4 cấp độ báo động

- Có thể hiển thị thông tin báo động trên màn hình máy chính.
- Có thể tự động điều chỉnh giới hạn báo động
- Có thể điều chỉnh báo động từ hệ thống trung tâm
- Có báo động bằng đèn và âm thanh
- Có thể tạm dừng báo động

Yêu cầu về khả năng kết nối

- Có cổng kết nối USB
- Có trang bị sẵn giao thức HL7 để kết nối trực tiếp với bệnh án điện tử
- Có thể kết nối dữ liệu tới hệ thống máy trung tâm
- Có cổng truyền hình ảnh HDMI hoặc tương đương
- Có thể dùng chung khối đo cùng thông số với các model hay thiết bị cùng nhà sản xuất

Yêu cầu về khả năng nâng cấp

- Có khả năng nâng cấp các thông số khác thông qua khối đo, tối thiểu bao gồm: CO2, khí mê, cung lượng tim, độ sâu gây mê, độ giãn cơ.
- Máy có khả năng nâng cấp để gắn thêm ≥ 3 khối module

4. Yêu cầu khác

- Thời hạn bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu thiết bị
- Lắp đặt, chạy thử thiết bị tại cơ sở sử dụng máy
- Cam kết hướng dẫn người sử dụng vận hành thiết bị đến khi thành thạo
- Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt và tiếng Anh
- Cam kết cung cấp phụ tùng thay thế, vật liệu tiêu hao tối thiểu 5 năm sau khi hết thời gian bảo hành

PHỤ LỤC II

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá, không nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Thư mời báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

